

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHỢ GẠO  
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 06/2/2024

V/v tranh chấp “Xin ly hôn”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO, TỈNH TIỀN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đỗ Thị Tuyết Hạnh

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Châu Văn Bình

2. Bà Lê Thị Ngọc Ánh

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Võ Thị Mỹ Xuyên, thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo tham gia phiên tòa:** Ông Phạm Minh Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 2 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 532/2023/TLST-HN ngày 08/12/2023 về tranh chấp “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2024/QĐXX – ST ngày 03 tháng 01 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 10/2024/QĐST –DS ngày 26 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

\* Nguyên đơn: Ngô Thị Mỹ D – sinh năm: 1991;

Địa chỉ: ấp QK, xã QL, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

\* Bị đơn: Nguyễn Văn T - sinh năm: 1990;

Địa chỉ: ấp QK, xã QL, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

Chị D có đơn xin vắng mặt;

Anh T vắng mặt.

**NỘI D VỤ ÁN:**

**\* Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Ngô Thị Mỹ D trình bày:**

- Về tình cảm: Tôi và anh T cưới nhau từ năm 2013, có đăng ký kết hôn tại UBND xã QL, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang vào năm 2014. Quá trình chung sống thì thời gian đầu hạnh phúc nhưng đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T không lo cho gia đình, thường xuyên nhậu nhẹt, hai vợ chồng thường xuyên cãi vã, anh T nhậu nhẹt suốt ngày, chơi số đề, ăn nhậu gây nợ. Chúng tôi đã ly thân từ tháng 8 năm 2023 cho đến nay. Nay tôi không còn tình cảm với anh T nên tôi yêu cầu được ly hôn với anh T.

- Về con chung: Có 02 con chung tên là Nguyễn Minh K – sinh ngày 06/8/2014 và cháu Nguyễn Minh B – sinh ngày 05/2/2016. Hiện nay cháu K và cháu B đang sống chung với anh

T, tôi đi làm công ty, ở nhà trọ nên tôi đồng ý để cho anh T nuôi cả hai con chung và tôi không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Tự thoả thuận. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về nợ chung: Không có. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

***Tại bản tự khai ngày 26/01/2024 chị Ngô Thị Mỹ D trình bày:***

Về tình cảm, về tài sản chung, nợ chung thì chị vẫn giữ nguyên ý kiến trước đây. Còn về vấn đề con chung: Chị D xin nuôi cả hai con chung là cháu Nguyễn Minh K và cháu Nguyễn Minh B vì chị làm công nhân có thu nhập ổn định, anh T lo ăn chơi, nhậu nhẹt, cờ bạc, không lao động nên không có thu nhập để nuôi con. Do đó, chị D xin nuôi cả hai con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng.

***\* Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Nguyễn Văn T trình bày:***

- Về tình cảm: Tôi và chị D cưới nhau từ năm 2013, có đăng ký kết hôn tại UBND xã QL, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang vào năm 2014. Quá trình chung sống thì thời gian đầu hạnh phúc nhưng sau đó tôi bị bệnh nên không có lao động được và không làm ra kinh tế, tôi có nhậu nhẹt, đánh số đề nhưng 7 – 8 tháng nay tôi đã sửa đổi không còn nhậu nhẹt, số đề nữa và cũng không gây nợ nữa, tôi ở nhà đưa rước con đi học. Nay tôi không đồng ý ly hôn với chị D, tôi còn thương chị D và tôi không muốn hai con tôi không có cha mẹ bên cạnh.

- Về con chung: Có 02 con chung tên là Nguyễn Minh K – sinh ngày 06/8/2014 và cháu Nguyễn Minh B – sinh ngày 05/2/2016. Hiện nay cháu K và cháu B đang sống chung với tôi. Nếu Tòa buộc tôi ly hôn thì tôi xin nuôi hai con chung và không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Tự thoả thuận. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về nợ chung: Không có. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

***\* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo phát biểu quan điểm:***

+ Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đúng quy định pháp luật.

+ Về nội D: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị D. Về hôn nhân: chị D được ly hôn với anh T. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Minh K – sinh ngày 06/8/2014 và cháu Nguyễn Minh B – sinh ngày 05/2/2016 cho chị D tiếp tục nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con: chị D không yêu cầu nên Tòa án không xem xét. Về tài sản chung: tự thoả thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra để xem xét. Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Chị D khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh T, giải quyết vấn đề con chung, do đó, Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Xin ly hôn” theo quy định tại Điều 51 và Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Do anh T cư trú tại: ấp QK, xã QL, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang nên căn cứ vào Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

Anh T đã được Toà án triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do nên Toà án căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt anh T. Còn chị D có đơn xin vắng mặt nên Toà án căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt chị D.

[3] Đối với yêu cầu xin ly hôn của chị D, Hội đồng xét xử xét thấy: chị D trình bày nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do do anh T không lo cho gia đình, thường xuyên nhậu nhẹt, hai vợ chồng thường xuyên cãi vã, anh T nhậu nhẹt suốt ngày, chơi số đề, ăn nhậu gây nợ, sau buổi hoà giải ở Toà ngày 02/01/2024 thì anh T đã đánh chị nhập viện, sau khi xuất viện thì anh T nhốt chị, lấy điện thoại của chị không cho chị liên lạc được với ai, sau đó chị thoát ra được và đã về nhà mẹ ruột sinh sống. Còn anh T cho rằng mâu thuẫn hai vợ chồng không lớn, anh còn thương chị D nhưng anh không có biện pháp nào để hàn gắn mối quan hệ vợ chồng. Ngoài ra, anh T cũng thừa nhận anh không làm ra kinh tế, có nhậu nhẹt, đánh số đề. Từ đó cho thấy, mối quan hệ vợ chồng của anh chị đã mâu thuẫn trầm trọng, khiến cho đời sống vợ chồng lạnh nhạt, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh T trình bày còn thương chị D nhưng Toà án triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng anh vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị D.

[4] Về con chung: Có 2 con chung: cháu Nguyễn Minh K – sinh ngày 06/8/2014 và cháu Nguyễn Minh B – sinh ngày 05/2/2016. Khi ly hôn chị D xin nuôi cả hai con chung. Hội đồng xét xử xét thấy, hiện chị D làm công nhân, có kinh tế ổn định còn anh T thì bị bệnh không làm ra kinh tế, lại thường xuyên nhậu nhẹt, đánh đề, gây nợ, cho nên để đảm bảo cho cháu K và cháu B phát triển toàn diện về mọi mặt cũng như phù hợp với nguyện vọng của cháu B và cháu K nên cần giao hai con chung cho chị D tiếp tục nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: chị D không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Tự thoả thuận. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về nợ chung: Không có. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[7] Về án phí: Chị D là người nộp đơn khởi kiện xin ly hôn, do đó, chị D sẽ chịu án phí hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

[8] Đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ các Điều 51, Điều 55, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 147; Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

#### **Xử:**

1. Về tình cảm: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Ngô Thị Mỹ D. Chị Ngô Thị Mỹ D được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

2. Về con chung:

+ Giao 02 cháu Nguyễn Minh K – sinh ngày 06/8/2014 và cháu Nguyễn Minh B – sinh ngày 05/2/2016 cho chị D tiếp tục nuôi dưỡng.

+ Anh T không cấp dưỡng nuôi con chung.

+ Người nào không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom, chăm sóc con chung sau khi ly hôn, không ai được quyền ngăn cản.

**3.** Về án phí: Chị Ngô Thị Mỹ D phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí, lệ phí theo biên lai thu số 0007078 ngày 06/12/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang. Xem như chị D đã thực hiện xong.

**4.** Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Còn đối với đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

**Nơi nhận:**

- Toà án nhân dân tỉnh TG;
- VKSND huyện Chợ Gạo;
- Chi cục THADS huyện Chợ Gạo;
- UBND xã QL, CG, TG;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đỗ Thị Tuyết Hạnh**

